

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày: 23 - 4 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Tâm.
2. Ông Hồ Văn Sơn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Hà là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 45/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 01 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Số C, đường C, khu phố I, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Phạm Tiến T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số C, đường H, khu phố B, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Số C, đường C, khu phố I, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào ngày 04/11/2022, bà có cho ông Phạm Tiến T vay số tiền 100.000.000 đồng (Một

trăm triệu đồng), lãi suất thoả thuận miệng là 4%/tháng. Khi vay số tiền trên, ông T đã ly hôn vợ. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà. Từ ngày vay tiền tới nay, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T chỉ trả cho bà được 6.000.000 đồng tiền lãi. Bà yêu cầu Toà án buộc ông T phải trả cho bà và chồng là ông Nguyễn Tiến C số tiền nợ vay 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,66%/tháng, kể từ ngày vay đến nay sau khi đã trừ số tiền 6.000.000 đồng tiền lãi đã trả.

\* Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến C trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến của vợ ông bà Nguyễn Thị L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên không hòa giải được.

\* Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Tiến T phải trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến C số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến nay theo mức lãi suất 1,66%/tháng sau khi trừ 6.000.000 đồng tiền lãi đã trả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn



cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp; phía bị đơn cũng không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 04/11/2022, bà Nguyễn Thị L có cho ông Phạm Tiến T vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất thoả thuận miệng là 4%/tháng. Từ ngày vay tới nay, bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn được 6.000.000 đồng tiền lãi, tiền nợ vay thì chưa trả.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

[2.2.1] Về tiền nợ vay: Số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2.2] Về tiền lãi: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 04/11/2022 xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiền lãi trên nợ gốc được xác định như sau:

Từ ngày 04/11/2022 đến ngày 23/4/2024 là 17 tháng 19 ngày x 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 29.271.000 đồng.

Số tiền lãi còn phải trả sau khi trừ tiền lãi 6.000.000 đồng đã trả là 23.271.000 đồng.

[2.2.3] Tổng số tiền ông Phạm Tiến T phải trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tiến C là 123.271.000 đồng (Trong đó, tiền nợ vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 23.271.000 đồng).

[3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông **Phạm Tiến T** phải trả cho bà **Nguyễn Thị L** và ông **Nguyễn Tiến C** số tiền 123.271.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 23.271.000 đồng.

Kể từ ngày 24/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

Ông **Phạm Tiến T** phải chịu 6.164.000 đồng (Sáu triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà **Nguyễn Thị L** không phải chịu án phí DSST (Bà **L** đã được miễn nộp tạm ứng án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi).

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

*án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Ngọc Nghĩa**